

Phụ lục
HỌC SINH TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
	TỔNG CỘNG	8.431	1.150.920	8.518	638.820	8.535	512.100	2.707	629.618	518.595	
I	Huyện M' Đrăk	2.333	314.265	2.331	174.825	2.324	139.440	1.230	173.745	139.290	
1	Trường TH Phạm Hồng Thái	13	1.755	13	975	13	780		975	780	
2	Trường TH Lê Quý Đôn	53	7.155	53	3.975	53	3.180		3.975	3.180	
3	Trường TH Lê Lợi	2	270	2	150	2	120		150	120	
4	Trường TH Lê Hồng Phong	99	13.365	99	7.425	99	5.940		7.425	5.940	
5	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	14	1.950	14	1.050	15	900		1.050	900	
6	Trường TH Nguyễn Du	157	21.195	157	11.775	157	9.420		11.775	9.420	
7	Trường TH La Văn Cầu	78	9.645	79	5.925	62	3.720		5.850	3.795	
8	Trường TH Lê Văn Tám	32	4.260	32	2.400	31	1.860		2.400	1.860	
9	Trường TH Ngô Gia Tự	121	17.415	121	9.075	139	8.340		9.075	8.340	
10	Trường TH Chu Văn An	47	6.345	47	3.525	47	2.820		3.525	2.820	
11	Trường PTDTBT TH Trần Quốc Toàn	124	16.680	124	9.300	123	7.380		9.300	7.380	
12	Trường Nguyễn Văn Bé	68	9.180	68	5.100	68	4.080		5.100	4.080	
13	Trường TH Võ Thị Sáu	225	30.375	225	16.875	225	13.500		16.875	13.500	
14	Trường TH Nơ Trang Long	64	8.700	64	4.800	65	3.900		4.800	3.900	
15	Trường THCS Nguyễn Trãi	105	14.175	105	7.875	105	6.300		7.875	6.300	
16	Trường THCS Phan Đình Phùng	89	12.135	89	6.675	91	5.460		6.675	5.460	
17	Trường PTDTBT THCS Phan Bội Châu	285	38.115	285	21.375	279	16.740		21.375	16.740	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
18	Trường PTDTBT THCS Tô Hiệu	222	29.625	219	16.425	220	13.200		16.650	12.975	
19	Trường THCS Trần Hưng Đạo	103	13.665	103	7.725	99	5.940		7.725	5.940	
20	Trường THCS Trần Phú	5	675	5	375	5	300		375	300	
21	Trường THCS Lê Đình Chinh	1	135	1	75	1	60		75	60	
22	Trường THCS Lý Tự Trọng	34	4.260	32	2.400	31	1.860	1.230	1.320	1.710	
23	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Khuyến	137	18.495	137	10.275	137	8.220		10.275	8.220	
24	Trường PTDTBT THCS Võ Nguyên Giáp	248	33.750	250	18.750	250	15.000		18.600	15.150	
25	Trường THCS Ngô Quyền	7	945	7	525	7	420		525	420	
II	Huyện Krông Bông	951	132.465	983	73.725	979	58.740	120	71.205	61.140	
1	Trường TH Ea Bar	45	6.075	45	3.375	45	2.700		3.375	2.700	
2	Trường TH Yang Mao	1	135	1	75	1	60		75	60	
3	Trường TH Cẩm Phong	6	885	7	525	6	360		450	435	
4	Trường TH Cư Pui II	45	6.075	45	3.375	45	2.700		3.375	2.700	
5	Trường TH Nhân Giang	35	4.860	36	2.700	36	2.160		2.625	2.235	
6	Trường TH Sơn Phong	2	135	1	75	1	60		150	(15)	
7	Trường TH Cư Drăm	25	3.375	25	1.875	25	1.500		1.875	1.500	
8	Trường TH Yang Hăn	113	13.440	100	7.500	99	5.940	60	8.415	4.965	
9	Trường THCS Hùng Vương	60	8.160	60	4.500	61	3.660		4.500	3.660	
10	Trường THCS Cư Pui	138	22.890	170	12.750	169	10.140		10.350	12.540	
11	Trường THCS Cư Drăm	481	66.435	493	36.975	491	29.460	60	36.015	30.360	
III	Huyện Krông Búk	398	53.790	398	29.850	399	23.940	-	29.850	23.940	
1	Trường TH A Ma Khê	1	135	1	75	1	60		75	60	
2	Trường TH A Ma Pui	1	135	1	75	1	60		75	60	
3	Trường TH Hoàng Hoa Thám	12	1.755	13	975	13	780		900	855	
4	Trường TH Y Ngông	15	2.430	18	1.350	18	1.080		1.125	1.305	
5	Trường TH La Văn Cầu	22	3.030	22	1.650	23	1.380		1.650	1.380	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
6	Trường TH Phạm Hồng Thái	4	1.080	8	600	8	480		300	780	
7	Trường THCS Phan Chu Trinh	26	3.780	28	2.100	28	1.680		1.950	1.830	
8	Trường THCS Ngô Gia Tự	22	3.105	23	1.725	23	1.380		1.650	1.455	
9	PTDTBT TH-THCS Bùi Thị Xuân	295	38.340	284	21.300	284	17.040		22.125	16.215	
IV	Huyện Lắk	581	80.055	593	44.475	593	35.580	-	43.575	36.480	
1	Trường THCS Nguyễn Du	72	9.720	72	5.400	72	4.320		5.400	4.320	
2	Trường TH Lý Tự Trọng	9	1.215	9	675	9	540		675	540	
3	Trường THCS Hùng Vương	31	4.185	31	2.325	31	1.860		2.325	1.860	
4	Trường TH Y Ngông Niê Kđăm	61	9.855	73	5.475	73	4.380		4.575	5.280	
5	Trường TH, THCS Lê Đình Chinh	32	4.320	32	2.400	32	1.920		2.400	1.920	
6	Trường TH Nơ Trang Long	15	2.025	15	1.125	15	900		1.125	900	
7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	30	4.050	30	2.250	30	1.800		2.250	1.800	
8	Trường TH Quang Trung	61	8.235	61	4.575	61	3.660		4.575	3.660	
9	Trường THCS Trần Hưng Đạo	250	33.750	250	18.750	250	15.000		18.750	15.000	
10	Trường TH Lê Văn Tám	19	2.565	19	1.425	19	1.140		1.425	1.140	
11	Trường THCS Trần Quốc Toản	1	135	1	75	1	60		75	60	
V	Huyện Ea Kar	252	32.865	243	18.225	244	14.640	-	18.900	13.965	
1	THCS Hoàng Hoa Thám	24	3.840	28	2.100	29	1.740		2.100	1.740	
2	THCS Phan Đăng Lưu	28	2.970	22	1.650	22	1.320		1.800	1.170	
3	TH-THCS Lý Tự Trọng	200	26.055	193	14.475	193	11.580		15.000	11.055	
VI	Huyện Krông Năng	1.810	246.120	1.808	135.600	1.842	110.520	360	135.390	110.370	
1	Trường THCS Chu Văn An	285	38.595	285	21.375	287	17.220	-	21.375	17.220	
2	Trường THCS Nguyễn Trãi	123	16.485	123	9.225	121	7.260	120	9.105	7.260	
3	Trường THCS Trần Phú	15	2.025	15	1.125	15	900	-	1.125	900	
4	Trường THCS Y Jút	12	1.485	11	825	11	660	-	900	585	
5	Trường THCS Ama Trang Long	282	38.265	279	20.925	289	17.340	105	21.045	17.115	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
6	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	402	53.850	398	29.850	400	24.000	-	30.150	23.700	
7	Trường TH Nguyễn Văn Bé	4	690	6	450	4	240	-	300	390	
8	Trường TH Nguyễn Khuyến	1	315	1	75	4	240		75	240	
9	Trường TH Minh Hà	19	2.700	20	1.500	20	1.200	-	1.425	1.275	
10	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	99	13.365	99	7.425	99	5.940	135	7.290	5.940	
11	Trường TH-THCS Lê Duẩn	43	6.705	43	3.225	58	3.480		3.225	3.480	
12	Trường TH Ea Hồ	11	1.485	11	825	11	660	-	825	660	
13	Trường TH Tam Bình	229	30.780	228	17.100	228	13.680		17.175	13.605	
14	Trường TH Diênъя	96	13.320	96	7.200	102	6.120		7.200	6.120	
15	Trường TH Ea Dăh	189	26.055	193	14.475	193	11.580		14.175	11.880	
VII	Huyện Buôn Đôn	462	66.900	496	37.200	495	29.700	187	34.463	32.250	
1	Trường TH Y Jút	42	6.345	47	3.525	47	2.820		3.150	3.195	
2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	30	4.200	32	2.400	30	1.800		2.250	1.950	
3	Trường TH Nguyễn Du	16	2.160	16	1.200	16	960		1.200	960	
4	Trường TH Lương Thế Vinh	135	19.440	144	10.800	144	8.640		10.125	9.315	
5	Trường TH Hoàng Văn Thụ	22	3.090	22	1.650	24	1.440	60	1.590	1.440	
6	Trường TH Lê Lợi	12	1.620	12	900	12	720		900	720	
7	Trường TH Bùi Thị Xuân	19	2.835	21	1.575	21	1.260		1.425	1.410	
8	Trường TH Lê Quý Đôn	26	3.510	26	1.950	26	1.560		1.950	1.560	
9	Trường TH Nguyễn Trãi	8	1.350	10	750	10	600	127	473	750	
10	Trường THCS Võ Thị Sáu	14	1.890	14	1.050	14	840		1.050	840	
11	Trường THCS Lê Hồng Phong	16	2.160	16	1.200	16	960		1.200	960	
12	Trường THCS Hồ Tùng Mậu	78	12.090	90	6.750	89	5.340		5.850	6.240	
13	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	23	3.105	23	1.725	23	1.380		1.725	1.380	
14	Trường THCS Trần Hưng Đạo	5	945	7	525	7	420		375	570	
15	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	16	2.160	16	1.200	16	960		1.200	960	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
VIII	Huyện Ea Súp	1.371	187.230	1.392	104.370	1.381	82.860	810	102.015	84.405	
1	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	232	31.590	234	17.550	234	14.040	60	17.340	14.190	
2	Trường THCS Nguyễn Thị Định	131	17.565	131	9.825	129	7.740		9.825	7.740	
3	Trường TH&THCS Chu Văn An	10	1.290	10	750	9	540		750	540	
4	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	298	40.575	303	22.695	298	17.880		22.350	18.225	Học kỳ I có 1 HS nhận 3 tháng
5	Trường tiểu học Cẩm Bá Thước	78	10.530	78	5.850	78	4.680		5.850	4.680	
6	Trường THCS Trần Hưng Đạo	202	27.165	203	15.225	199	11.940	420	14.730	12.015	
7	Trường tiểu học Lê Văn Tám	36	5.130	38	2.850	38	2.280		2.700	2.430	
8	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	15	2.085	15	1.125	16	960		1.125	960	
9	Trường tiểu học Ea Rốc	54	7.560	56	4.200	56	3.360	195	3.855	3.510	
10	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	16	2.160	16	1.200	16	960		1.200	960	
11	Trường THCS Lê Đình Chinh	21	3.510	26	1.950	26	1.560		1.575	1.935	
12	Trường tiểu học Kim Đồng	12	1.620	12	900	12	720		900	720	
13	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	40	5.400	40	3.000	40	2.400	135	2.865	2.400	
14	Trường THCS Bế Văn Đàn	9	1.215	9	675	9	540		675	540	
15	Trường tiểu học Ea Lê	21	2.970	22	1.650	22	1.320		1.575	1.395	
16	Trường THCS Ea Lê	19	2.835	21	1.575	21	1.260		1.425	1.410	
17	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	11	1.485	11	825	11	660		825	660	
18	Trường tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	5	675	5	375	5	300		375	300	
19	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	6	810	6	450	6	360		450	360	
20	Trường tiểu học Cư Mlan	143	19.440	144	10.800	144	8.640		10.725	8.715	
21	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12	1.620	12	900	12	720		900	720	
IX	Huyện Ea H'leo	273	37.230	274	20.550	278	16.680	-	20.475	16.755	
1	Trường TH Lê Đình Chinh	61	8.415	61	4.575	64	3.840		4.575	3.840	
2	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	26	3.510	26	1.950	26	1.560		1.950	1.560	
3	Trường TH Ea Tir	115	15.585	115	8.625	116	6.960		8.625	6.960	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng Số HS được hỗ trợ năm học 2022-2023 (theo Công văn số 9554/UBND- KGVX, 04/11/2022)	Tổng số gạo được hỗ trợ năm học 2022- 2023	Hỗ trợ gạo				Số gạo dư năm học 2021-2022	Số gạo nhận của Cục dự trữ Nhà nước học kỳ I năm học 2022- 2023	Tổng số lượng gạo nhận học kỳ II năm học 2022-2023	Ghi chú
				Học kỳ I		Học kỳ II					
				Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ	Tổng số HS thuộc đối tượng hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ				
1	2	3	4=6+8	5	6=5*15kg *5th	7	8=7*15kg *4th	9	10	11=4-9-10	
4	Trường THCS Vừ A Dính	71	9.720	72	5.400	72	4.320		5.325	4.395	